



TIẾNG TRUNG HOÀNG THƯỢNG

HOÀNG THƯỢNG ACADEMY

214

BỘ THỦ TIẾNG TRUNG

Ý nghĩa & cách nhớ các bộ thủ nền tảng — chìa khoá để đọc hiểu và ghi nhớ chữ Hán. Bảng tra bộ thủ cơ bản, thông dụng cho người mới bắt đầu.

Bộ · Âm Hán Việt · Nghĩa

Tra cứu theo số nét

Biên soạn & phát hành bởi **Hoàng Thượng Academy** · hoangthuong.com.vn



Bộ thủ — nền tảng chữ Hán

Bộ thủ (部首) là các thành phần cấu tạo nên chữ Hán. Mỗi chữ Hán thường được tạo thành từ một hoặc nhiều bộ thủ kết hợp theo quy tắc nhất định. Bộ thủ không chỉ giúp phân loại chữ mà còn **gợi mở ý nghĩa** của chữ đó.

Ví dụ: thấy bộ 氵 (thủy) — chữ thường liên quan đến **nước**; thấy bộ 口 (khẩu) — chữ thường liên quan đến **miệng, nói, ăn uống**. Nhờ vậy người học có thể suy đoán nghĩa thay vì ghi nhớ máy móc.

Hệ thống chuẩn gồm **214 bộ thủ**, sắp xếp theo số nét từ ít đến nhiều. Bảng tra dưới đây tổng hợp các bộ thủ cơ bản & thông dụng nhất, chia theo nhóm số nét để bạn dễ tra cứu và ghi nhớ.

Cách học bộ thủ hiệu quả

- Học **theo nhóm số nét** — bắt đầu từ các bộ ít nét, thường gặp nhất.
- Ghi nhớ qua **ý nghĩa gợi hình** và liên hệ với chữ Hán thực tế chứa bộ đó.
- Nắm **âm Hán Việt** của mỗi bộ để tra từ điển và đọc chữ nhanh hơn.

1

Bộ 1 nét

6 bộ thủ

Bộ	Âm Hán Việt	Nghĩa
一	Nhất	một
丨	Cổn	nét sổ
丶	Chủ	chấm
丿	Phiệt	nét phẩy
乙	Ất	thứ hai
乚	Quyết	móc

2

Bộ 2 nét

16 bộ thủ

Bộ	Âm Hán Việt	Nghĩa
二	Nhị	hai
亠	Đầu	đầu
人	Nhân	người
儿	Nhi	chân người
入	Nhập	vào
八	Bát	tám
冂	Quynh	vùng biên
冃	Mịch	mái che
冫	Băng	nước đá
几	Kỷ	bàn
凵	Khảm	há miệng
刀	Đao	dao
力	Lực	sức
勹	Bao	bao bọc
匕	Chủy	cái thìa

Bộ	Âm Hán Việt	Nghĩa
匚	Phương	hộp

3

Bộ 3 nét

31 bộ thủ

Bộ	Âm Hán Việt	Nghĩa
口	Khẩu	miệng
囗	Vi	bao quanh
土	Thổ	đất
士	Sĩ	học trò
夊	Trì	đi chậm
夂	Tuy	đi
夕	Tịch	buổi tối

3

Bộ 3 nét (tiếp)

31 bộ thủ

Bộ	Âm Hán Việt	Nghĩa
大	Đại	lớn
女	Nữ	phụ nữ
子	Tử	con
宀	Miên	mái nhà
寸	Thốn	tấc
小	Tiểu	nhỏ
尢	Uông	yếu
尸	Thi	xác
巾	Triệt	mầm cỏ
山	Sơn	núi
川	Xuyên	sông
工	Công	công việc
己	Kỷ	bản thân
巾	Cân	khăn
干	Can	can thiệp
幺	Yêu	nhỏ
广	Nghiễm	mái nhà
廴	Dẫn	bước dài
扌	Củng	hai tay
弋	Dực	bắn
弓	Cung	cây cung
冫	Kế	đầu lợn
彡	Sam	lông
彳	Xích	bước chân

Bộ	Âm Hán Việt	Nghĩa
心	Tâm	tim
手	Thủ	tay
日	Nhật	mặt trời
月	Nguyệt	mặt trăng
木	Mộc	cây
水	Thủy	nước
火	Hỏa	lửa
牛	Ngưu	bò

46 Bộ 4 – 6 nét (tiếp)

27 bộ thủ

Bộ	Âm Hán Việt	Nghĩa
犬	Khuyển	chó
王	Vương	vua
田	Điền	ruộng
目	Mục	mắt
石	Thạch	đá
禾	Hòa	lúa
竹	Trúc	tre
米	Mễ	gạo
糸	Mịch	sợi
网	Võng	lưới
羊	Dương	dê
羽	Vũ	lông
老	Lão	già
而	Nhi	mà
耳	Nhĩ	tai
肉	Nhục	thịt
臣	Thần	bề tôi
自	Tự	bản thân
至	Chí	đến

710 Bộ 7 – 10 nét

10 bộ thủ

Bộ	Âm Hán Việt	Nghĩa
言	Ngôn	nói
足	Túc	chân

Bộ	Âm Hán Việt	Nghĩa
車	Xa	xe
金	Kim	kim loại
門	Môn	cửa
走	Tẩu	chạy
身	Thân	thân thể
酉	Dậu	rượu
里	Lý	làng
長	Trường	dài

1117

Bộ 11 – 17 nét

16 bộ thủ

Bộ	Âm Hán Việt	Nghĩa
雨	Vũ	mưa
青	Thanh	xanh
音	Âm	âm thanh
食	Thực	ăn
首	Thủ	đầu
香	Hương	thơm
馬	Mã	ngựa
魚	Ngư	cá
鳥	Điểu	chim
鹿	Lộc	hươu
黑	Hắc	đen
鼻	Tỵ	mũi
齒	Xỉ	răng
龍	Long	rồng
龜	Quy	rùa
鬲	Dược	sáo